

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

SỰ THẬT VỀ MỐI TÌNH HÀN MẠC TỬ - HOÀNG THỊ KIM CÚC VÀ BÀI THƠ Ở ĐÂY THÔN VỸ DẠ

Phanxipăng*



Tượng chân dung Hàn Mạc Tử do Vỹ Nhuế Lê Đăng Giao thực hiện bằng xi măng năm 1973 tại Sài Gòn. Ảnh: Phanxipăng

Giai đoạn 1928-1930, Nguyễn Trọng Trí - sau trở thành nhà thơ Hàn Mạc Tử⁽¹⁾ - về Huế nội trú tại trường Pellerin⁽²⁾ để dùi mài đèn sách hai niên khóa cuối bậc tiểu học.⁽³⁾ Sau khi đỗ kỳ thi tiểu học yếu lược vào tháng 6/1930, Nguyễn Trọng Trí được cấp bằng *Certificat d'études primaires franco-indigènes/Pháp Việt sơ học văn bằng* ngày 26/12/1930. Kế đó, Nguyễn Trọng Trí vào phố biển Quy Nhơn, sống cùng gia đình. Năm 1932, chàng xin làm tập sự tại Phòng Địa chính Quy Nhơn trực thuộc Sở Địa chính tỉnh Bình Định - cơ quan được dân gian thuở bấy giờ quen gọi là Sở Đạc điền. Nguyễn Trọng Trí được phân công làm thư ký công nhật ở bộ phận bảo tồn điền trạch.

Soạn *Đôi nét về Hàn Mạc Tử*,⁽⁴⁾ Quách Tấn ghi nhận: “*Khi Tử làm Sở Đạc điền Quy Nhơn, Tử có yêu một thiếu nữ ở cùng một con đường - đường Khải Định*⁽⁵⁾ - biệt hiệu là *Hoàng Cúc*”.

Hàn Mạc Tử - Hoàng Hoa: tình đơn phương

Nàng mang họ tên đầy đủ là Hoàng Thị Kim Cúc, ái nữ của Tham tá Hoàng Phùng - thuở nọ đảm trách chức vụ Giám đốc Sở Đạc điền Quy Nhơn. Với nguồn tư liệu hiện thời, tôi chưa hề thấy Hoàng Thị Kim Cúc mang biệt hiệu Hoàng Cúc bao giờ cả. Biệt hiệu của nàng là Hoàng Hoa. Có lẽ bắt nguồn từ những câu thơ Hàn viết thuở tương tư nàng. Như bài tứ tuyệt *Hoa cúc*:

*Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa,
Sương dầm trắng lông bóng thướt tha.
Vẻ mặt khác chi người quốc sắc,
Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.*

Hoặc rõ rệt hơn là trong bài *Sao, vàng sao* - bấy nay lưu hành dưới nhan đề không đúng bản gốc là *Đừng cho lòng bay xa* - mà Hàn từng gửi “tiểu thư khuê các”:

* Nhà báo, Tuần san *Thế giới mới*.

*Trời nhật nguyệt cầu vòng bắc tứ phía,
 Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây,
 Hương ân tình cho kết lại thành dây,
 Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu*

Sinh thời, Hoàng Thị Kim Cúc thỉnh thoảng cũng sáng tác thơ và ký bút danh Hoàng Hoa, hoặc Hoàng Hoa thôn nữ, hoặc H.H.



Hoàng Thị Kim Cúc (1913-1989)

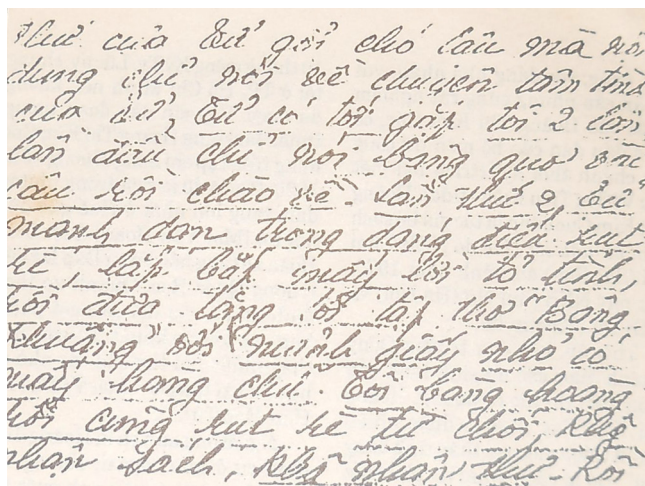
Hoàng Thị Kim Cúc chào đời ngày 5/12/1913 nhằm mừng 8/11 năm Quý Sửu. Hàn Mạc Tử chào đời ngày 22/9/1912 nhằm ngày 12/8 năm Nhâm Tý 1912. Khoảng cách tuổi tác như thế, theo quan niệm dân gian quả rất xứng đôi vừa lứa: “Nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một”. Lứa thì vừa đấy, song chàng với nàng chẳng hề “đôi lứa xứng đôi” - dấu chỉ xứng đôi trên tình trường như nhiều người bấy lâu ngộ nhận. Sự nhầm tưởng kia, trở trêu thay, lại xuất phát từ những hồi ký do thân bằng quyến thuộc của Hàn viết và công bố sau khi Hàn mất!

Để bạn đọc tiện khám phá sự thật vấn đề, tôi xin sao lục mấy lá thư của chính người trong cuộc là Hoàng Thị Kim Cúc.

Thư đề ngày 13/3/1971 gửi Quách Tấn: “Hồi đó Tử thường đến chơi với Hoàng Tùng Ngâm là em chú bác với tôi. Bạn Ngâm đông lắm. Trong gia đình tôi, không ai để ý đến bạn của Ngâm. Câu chuyện tâm tình của Tử, trừ Ngâm ra, cũng không ai biết. Tôi được biết trước khi thầy tôi sắp về hưu, do một người bạn khác nói lại, chứ không phải Ngâm”.

Thư đề ngày 15/4/1971 gửi Quách Tấn: “Hồi ấy tuy nhà Tử ở gần tôi, song Tử và tôi cách xa nhau như hai ngọn núi, Tử thì kín đáo và bẽn lẽn như con gái, còn tôi thì bí mật và xa lạ như cung trăng! Tuy thế Tử cũng đã tìm cách để gặp, nhưng rồi vẫn chưa toại nguyện (...). Năm 1936, khi Tử ở Sài Gòn về Quy Nhơn, tôi vẫn còn ở Quy Nhơn đến mấy tháng sau mới về Huế”.

Thư đề ngày 15/10/1971 gửi Quách Tấn: “Về tuồng cải lương⁽⁶⁾ thì tôi được biết do đoàn Dạ Lý Hương đóng vào đầu năm 1970 (hồi đó tôi vào Sài Gòn được nghe nhiều người kể lại, trong đó có bác sĩ Lê Khắc Quyến kể nữa) và lần lượt đã trình diễn trên tivi khoảng mấy tháng sau tại các tỉnh miền Trung. Họ đã diễn tả đúng đoạn văn của ông trong tập *Văn* số 73 trang 93. Nghĩa là họ diễn đoạn Tử nhờ người đến cầu hôn bị ông bà thân nhà gái từ chối, hát huì, vì lẽ Tử không xứng mặt đồng sàng! Cô Cúc không có trong vở tuồng, không xuất hiện trên sân khấu, chỉ có ông bà thân của cô và Tử thôi.



Thủ bút của Hoàng Thị Kim Cúc trong thư
đề ngày 16/10/1987 gửi Nguyễn Bá Tín.

Ông bà đã lột hết tài nghệ phơi bày rõ rệt tâm địa của con người chỉ biết tiền, ham danh vọng, khinh miệt người, hống hách... Như vậy, ông đã thấy rõ, vì động chạm sai lạc đến thầy mẹ tôi và Tử nên tôi mới lên tiếng, chứ không phải vì tôi!”.

Thư đề ngày 16/10/1987 gửi Nguyễn Bá Tín - em ruột Hàn: “Vào đầu năm 1936, sau khi ông trợ Cát là cậu tôi ghé nhà chơi, lúc ra về bỏ quên thư của Tử gửi cho cậu tôi mà nội dung chỉ nói về chuyện tâm tình của

Tử. Tử có tới gặp tôi 2 lần. Lần đầu chỉ nói bằng quơ vài câu rồi chào về. Lần thứ hai, Tử mạnh dạn trong dáng điệu rút rè, lắp bắp mấy lời tỏ tình, rồi đưa tặng tôi tập thơ *Bâng khuâng* với mảnh giấy nhỏ có mấy hàng chữ. Tôi bàng hoàng rồi cũng rút rè từ chối, không nhận sách, không nhận thư (...). Gần cuối năm 1936, khi Tử về dự hội chợ Huế, mang theo một xấp *Gái quê* vừa in xong, có gặp tôi cùng đi với anh em tôi trong hội chợ. Tử đưa tặng anh em tôi mỗi người một tập, có đề chữ tặng, không tặng tôi mà chỉ yên lặng nhìn! Mấy hôm sau, Ngâm cho biết: Tử có về nhà tôi ở Vỹ Dạ mà lại đứng ngoài ngõ nhìn vô, rồi từ đó chúng tôi không gặp nhau, lại không thư từ, thăm viếng, hứa hẹn, mỗi người một ngã, cách xa nhau như hai ngọn núi (...). Nếu không có bức thư ông trợ Cát để quên ở nhà tôi thì có lẽ tôi vẫn đứng vững vô sự. Và Ngâm cũng không nói gì với tôi về mối tình của Tử. Ngâm thấy không thể giấu được nên mới kể đại khái rằng: “Trí nó cảm chị lâu rồi, từ hôm chị bán gian hàng ở hội chợ của Tòa sứ Quy Nhơn tổ chức (...). Trí đã nhờ Ngâm đưa thư cho chị, Ngâm không đưa. Trí nhờ nói với chị về nỗi lòng, Ngâm từ chối. Trí làm thơ tặng chị đăng trong báo *Phụ nữ tân văn*, Ngâm cắt mấy bài thơ rồi mới đưa báo cho chị (...). Thật tội cho thằng Trí! Nó kể cho em nghe nhiều nhiều, mà Ngâm đâu có nói gì với chị, vì Ngâm không muốn làm bận rộn tâm trí chị, khi thấy chị chưa nghĩ gì về chuyện yêu đương!”. Thật thế, lúc đó tôi đã 21 tuổi rồi⁽⁷⁾ mà sao còn quá ngơ ngác!”.

Thư đề ngày 11/5/1988 gửi Hoàng Toại - anh cả của Hoàng Thị Kim Cúc: “Lâu nay em chưa có dịp kể cho anh nghe và em cũng không kể cho ai hết, tuy thế đã có nhiều người biết chuyện, biết qua sách báo sai lạc, biết qua sự phỏng đoán và tưởng tượng của họ. Câu chuyện xảy ra trên nửa thế kỷ rồi anh nọ, em cũng im lặng cho nó đi qua, vì câu chuyện thuộc về dĩ vãng. Không ngờ mấy năm sau đây mấy nhà viết sách tìm tòi moi móc, moi những chuyện không đúng sự thật như bài báo của Kiên Đạt ở bên đó⁽⁸⁾ mà

anh đã cất gởi về cho em coi chẳng hạn (...). Hồi em ở Quy Nhơn với ba, Hàn Mạc Tử có để ý đến em, nhờ Ngâm hỏi ý kiến em, Ngâm không hỏi. Anh ấy kiếm cách gặp em kể lẽ nổi niềm, em thấy trước là câu chuyện không đi đến đâu nên từ chối. Câu chuyện chỉ có chừng nấy, em yên trí là không liên quan gì với nhau nữa, không dè thi sĩ cứ thâm yêu trộm nhớ, làm thơ rồi nhờ bạn bè tặng sách báo cho em, em vẫn cứ im lặng, không trả lời trả vốn (...). Sau khi Hàn Mạc Tử qua đời, Ngâm mới kể rành mạch nỗi lòng của Hàn Mạc Tử đối với em. Em hết sức cảm kích và vô cùng ngậm ngùi. Anh có nhớ hồi anh làm ở văn phòng nào đó, ông Trần Tái Phùng cũng làm một chỗ với anh, một hôm anh đi làm về, đưa cho em một tờ giấy nhỏ có ghi hai câu thơ của Hàn Mạc Tử do ông Trần Tái Phùng đưa cho anh đem về hỏi em. Hai câu thơ đó là:

*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá
Muốn ôm hôn Cúc ở trong sương.*

Em xem xong chỉ cười mà không trả lời (...). Hôm nay em mới kể câu chuyện tâm tình đó với anh, kể ra cũng quá chậm, song chắc anh cũng hiểu tâm trạng em mà hoan hỷ cho em (...). Kha Anh, Kha Em hay Em Nhỏ thì có biết chuyện, song cũng biết lơ mơ vì em không nói chi hết; mấy em ở trong nhà cũng chỉ biết qua sách báo (...). Trong gia đình, anh là người đầu tiên mà em kể chuyện tâm tình của em”.

Qua trích đoạn 5 lá thư của người trong cuộc, ắt bạn đọc đủ cơ sở để kết luận, mối tình đầu Hàn Mạc Tử dành cho Hoàng Hoa chỉ là tình đơn phương. Trao đổi với tôi về chuyện này, một bạn thân của Hàn Mạc Tử là nhà văn Trần Thanh Địch⁽⁹⁾ thuở sinh tiền nhận định:

- Năm 1941, ngay sau khi Hàn qua đời, anh Trần Thanh Mai soạn sách *Hàn Mạc Tử*⁽¹⁰⁾ đã có đoạn kết tiên đoán rất đúng: “Tôi vẫn biết trước, trong một ngày không lâu, người ta sẽ dành nhau cái vinh dự xây dựng cho thi sĩ Hàn Mạc Tử những chiếc thánh giá vĩ đại, đến cả những lăng tẩm nguy nga nữa”. Tham dự một số buổi lễ kỷ niệm Hàn Mạc Tử được tổ chức đó đây trong thời gian qua, chắc anh Phanxipăng đã chứng kiến cảnh mấy phụ nữ tranh nhau tự nhận là “nàng thơ”, là “tình nhân” của thi sĩ quá cố. Thối đời mà! Thế nhưng, chị Cúc thì khác. Chị không nhận những gì mình không có. Tôi cho đó là đức tính trung thực đáng quý. Và nhiệm vụ của các cây bút ngày nay là hãy cố gắng đem “cái gì của César trả lại cho César”.

Thiết tưởng cần soi sáng thêm đôi điểm về nhân thân Hoàng Thị Kim Cúc cùng một vài nhân vật liên quan từng được đề cập trong 5 bức thư trên. Biết đâu đôi điểm này lại có khả năng là một trong những “chìa khóa” giúp chúng ta “giải mã” phần nào hành trạng và tác phẩm của Hàn thi sĩ.

Nhiều người dân Huế hiện tại vẫn còn nhớ Hoàng Thị Kim Cúc ít nhất ở hai cương vị, nhà giáo và nữ cư sĩ.⁽¹¹⁾ Lật lại các tuyển tập *Đồng Khánh mái trường xưa* do Ban Liên lạc cựu học sinh Đồng Khánh, Huế, nay là

Trường Trung học Phổ thông Hai Bà Trưng, thực hiện từ năm 1992 trở đi, chúng ta bắt gặp những dòng hồi ức của bao thế hệ học trò về “hình ảnh dịu dàng, vóc dáng nhỏ nhắn, vui vẻ ân cần nhưng cũng rất nghiêm khắc của cô Hoàng Thị Kim Cúc, cô giáo đầu đàn của bộ môn nữ công gia chánh thời ấy”.⁽¹²⁾ Hoàng Thị Kim Cúc cũng là tác giả bộ sách *Món ăn nấu lối Huế*⁽¹³⁾ được nhiều người đọc và áp dụng.

Thời ấy, nếu Hoàng Thị Kim Cúc đến Trường Đồng Khánh được các nữ sinh kính cẩn thưa “cô”, thì lúc ra đường, Hoàng Thị Kim Cúc thường được nhiều thanh thiếu niên gọi thân tình bằng “chị”. Đó là cách xưng hô phổ biến của mọi đoàn sinh đối với các nữ huynh trưởng Gia đình Phật tử Việt Nam.⁽¹⁴⁾ Chị Cúc là huynh trưởng với chức vụ Phó ban Hướng dẫn Trung ương Gia đình Phật tử Việt Nam, phụ trách ngành nữ từ năm 1947. Như vậy, cư sĩ không chỉ tu tại gia mà còn tích cực hoạt động xã hội.

Tôi gặp chị Cúc lần đầu tại đôi thông chùa Từ Hiếu (Huế) trong hội trại mang tên Hoài Nhân do Gia đình Phật tử Việt Nam tổ chức năm 1974. Sau đó, chúng tôi đôi lần ghé thăm chị ở nhà riêng tại Vỹ Dạ, mà lần cuối cùng là lúc chị nằm thoi thóp trên giường bệnh sau vụ tai nạn giao thông xảy ra tại TP Hồ Chí Minh ngày 11/8/1988 rồi được chuyển về Huế ngày 23/9/1988. Ngày 3/2/1989, tức 27 tháng Chạp năm Mậu Thìn, Hoàng Thị Kim Cúc - pháp danh Tâm Chánh - lìa trần, hưởng thọ 76 tuổi. Lễ di quan diễn ra ngày 15/2/1989, nhằm ngày mùng 10 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ. Lúc ấy, tôi ở xa Huế nên không dự được. Vậy xin dẫn đoạn tường thuật đám tang Hoàng Thị Kim Cúc do Mai Văn Hoan viết: “Có lẽ đó là một trong những đám tang lớn nhất ở Huế gần đây mà tôi được biết. Đoàn xe tang nối dài từ Đập Đá đến Trường Quốc Học. Quanh xe tang dính nhiều câu đối ca ngợi phẩm hạnh của bà. Tôi còn phát hiện có những bài thơ của các nhà sư họa lại bài thơ *Đầy thôn Vỹ Dạ*”.⁽¹⁵⁾

Ngoài ông anh cả là Hoàng Toại định cư ở nước ngoài, Hoàng Thị Kim Cúc còn có mấy người anh ruột tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève 1954: Hoàng Xuân Tùy (nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục), Hoàng Hoan Nghinh (nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ta tại Philippines). Người em ruột Hoàng Tế Ngộ ở lại Huế, trước khi quy tiên từng là “thủ tù” trong ngôi nhà mà chị Cúc từng sinh sống.

Anh em chú bác của Hoàng Thị Kim Cúc có Hoàng Tùng Ngâm vốn là bạn thân cùng nguyên quán Thừa Thiên, cùng tuổi Nhâm Tý (1912) và cùng làm chung Sở Đặc điền Quy Nhơn với Hàn. Năm 1954, Hoàng Tùng Ngâm tập kết ra Bắc, đổi tên là Hoàng Thanh Trai và từng làm đại sứ nước ta tại Ai Cập rồi tại Sri Lanka. Tết Bính Thìn (1976) thì mất ở Hà Nội.⁽⁹⁾ Năm 1939, chính nhờ “xúc tác” của Hoàng Tùng Ngâm, Hàn đã hứng khởi sáng tạo một số áng thơ tặng Hoàng Thị Kim Cúc - trong đó có *Ở đây thôn Vỹ Dạ*, một tác phẩm gây nhiều tranh luận lâu nay.

Áng thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* - nhan đề nguyên tác cùng một số lời bình

Năm 1992, ba cuộc hội thảo lớn được tổ chức ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh nhằm nhìn lại và đánh giá 60 năm phong trào *Thơ mới*. Ban tổ chức đã đề nghị các nhà thơ, nhà nghiên cứu - lý luận - phê bình bỏ phiếu chọn những bài Thơ mới hay nhất. Kết quả cuối cùng, *Ở đây thôn Vỹ Dạ* của Hànлот vào “top 18”.

Quanh áng thơ nổi tiếng này, lâu nay rộ lên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi - nhất là từ khi tác phẩm được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đưa vào giảng dạy chính thức trong chương trình lớp 11 bậc trung học phổ thông. Theo dõi các cuộc tranh luận đó, tôi nhận thấy một số chi tiết bị nhầm lẫn rất đáng buồn. Tại sao? Có nhiều lý do. Hai trong những lý do quan trọng là thiếu thực tế và thiếu tư liệu tham khảo cần thiết.

Điều nhầm lẫn phổ biến đầu tiên nằm ở... nhan đề bài thơ! Nguyên tác, Hàn viết *Ở đây thôn Vỹ Dạ* chứ không phải *Đây thôn Vỹ Dạ* như sách báo - kể cả giáo khoa và giáo trình - vẫn in. Địa danh có thể chỉnh sửa cho thống nhất chính tả: *Vỹ Dạ* hoặc *Vĩ Dạ* thay vì *Vỹ Dạ*.⁽¹⁶⁾ Còn chữ *Ở* hà cơ gì bị lược bỏ? Nếu muốn gọn hóa tối đa, *Ở đây thôn Vỹ Dạ* rất dễ biến thành *Thôn Vỹ* chẳng?

Nhà văn Trần Thanh Định nhận xét:

- Chữ *Ở* được Hàn dùng có chủ đích. Đọc kỹ bài thơ mới thấy chữ đó nhấn mạnh đến thôn Vỹ: *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*. Tùy tiện “biên tập” cả “titre” mà không được tác giả ưng thuận là tối kỵ. Chuyện như vậy xảy ra không ít đối với tác phẩm của Hàn! Như bài *Sao, vàng sao* - một bài thơ khác mà Hàn gửi tặng chị Cúc - lâu nay cứ bị “chụp” cái tên *Đừng cho lòng bay xa*.

Cả hai áng thơ vừa nhắc đều được Hàn Mặc Tử đưa vào tập *Thượng thanh khí*, chứ chẳng phải tập *Thơ điên* (tức *Đau thương*). Đây là một nhầm lẫn khác mà đa số tuyển thơ cùng nhiều bài viết vẫn mắc phải.

Trong cuốn *Thơ Hàn Mặc Tử và những lời bình*,⁽¹⁷⁾ Mã Giang Lân lại cho rằng *Ở đây thôn Vỹ Dạ* vốn in lần đầu trên giai phẩm *Năng Xuân* năm 1937. Hỡi ôi! Bài thơ được hoàn tất năm 1939, liệu có thể công bố trước hai năm chẳng?

Thậm chí có người, như Vũ Quần Phương qua lời tựa tập *Hàn Mặc Tử - thơ với tuổi thơ*,⁽¹⁸⁾ nghĩ rằng áng thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* mang vẻ đẹp “trong trẻo” và thể hiện bằng giọng điệu “bình tĩnh” nên tin chắc đây là một sáng tác thuộc giai đoạn đầu của Hàn, giai đoạn thân chưa phát bệnh và thơ chưa phát “điên”. Thật ra, Hàn lúc này đang đau khổ lán mình với *nguồn thơ ứa mãi hai hàng lệ*⁽¹⁹⁾ rồi lâm chung sau đấy đúng một năm tròn!

Hiểu rõ xuất xứ cùng hoàn cảnh sáng tạo tác phẩm, ắt sẽ góp phần giúp bạn đọc tiếp nhận bài thơ theo cách đúng đắn hơn, chuẩn xác hơn. Do đó, tôi sao lục thêm ba đoạn thư liên quan do chính người trong cuộc là Hoàng Thị Kim Cúc giải bày.

Thư đề ngày 15/4/1971 gửi Quách Tấn: “Về cô gái trong câu *Lá trúc che ngang mặt chữ điền* mà ông hỏi có phải là tôi đó không. Thưa ông, bức ảnh đó chỉ là bức ảnh phong cảnh, không có cô gái nào khác ngoài cô gái chèo đò. Cô gái mà ông hỏi đó là do sức tưởng tượng của thi nhân mà hiện ra thôi. Số là mùa hè năm 1939, Ngâm viết thư về Huế cho biết Tử bị mắc bệnh nan y. Ngâm khuyên tôi nên viết thư thăm Tử, hãy an ủi một tâm hồn đau khổ. Thay vì viết thư thăm, tôi gửi một bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái carte-visite.⁽²⁰⁾ Trong ảnh có mây, có nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm sức khỏe Tử, mà không ký tên, rồi gửi nhờ Ngâm trao lại. Sau đó một thời gian, tôi nhận bài thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* và một bài thơ khác nữa⁽²¹⁾ cũng do Ngâm gửi về (bài này các sách báo đều đăng cả rồi). Không ngờ sức tưởng tượng của thi nhân quá khác thường đến biến bức ảnh phong cảnh đó thành bức ảnh bến Vỹ Dạ lúc hừng đông hay một đêm trăng, trong đó có cô gái *Lá trúc che ngang mặt chữ điền* nữa! Khiến có người đã nghĩ rằng cô gái đó mặc áo trắng dài tha thướt vì câu *Áo em trắng quá nhìn không ra...*”.

Thư đề ngày 16/10/1987 gửi Nguyễn Bá Tín: “Năm 1938, Ngâm cho biết Hàn Mặc Tử mắc bệnh nan y. (...) Xiết bao ngậm ngùi thương cảm. Thương cho người tài hoa lâm đại nạn! Cảm tấm lòng yêu thương thấm thiết chân thành của Tử đã dành riêng cho tôi! Một thời gian sau, Ngâm đề nghị: lúc này, chị nên an ủi Trí. (...) Xa xôi quá, không biết làm gì khác hơn là viết mấy hàng chữ hỏi thăm sức khỏe Tử, viết mà không chữ ký, không đề ngày, sau tấm ảnh phong cảnh Huế, gửi nhờ Ngâm trao lại. Rồi mấy tháng sau, Ngâm gửi về cho tôi bài thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* với mấy hàng chữ sau lưng bài thơ vào tháng 8/1939. Giữa Hàn Mặc Tử và tôi chỉ có chừng này”.

Thư đề ngày 11/5/1988 gửi anh cả Hoàng Toại: “Đến khi nghe anh ta⁽²²⁾ mắc bệnh nan y, em rất xót thương cho người tài hoa bạc phận và để an ủi một tâm hồn tha thiết yêu thương đang vô cùng đau khổ, em gửi cho anh ta hai dòng chữ hỏi thăm sức khỏe viết trên một tấm cát 6x9⁽²³⁾ phong cảnh thành phố Huế, ảnh mua ở nhà chụp bóng Tăng Vinh. Sau khi nhận được bức phong cảnh đó thì anh ta gửi bài thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* tặng em. Thư đi thư về đều qua tay Ngâm chuyển, chứ em không trực tiếp gửi. Và sau mấy hàng chữ thăm sức khỏe và sau khi nhận được bài thơ Hàn Mặc Tử tặng, em cũng nín luôn, không thư từ gì cho thi sĩ nữa, qua năm sau (1940) thì được tin Hàn Mặc Tử mất tại Quy Hòa”.

Áng thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* cùng bức thư của Hàn đã được Hoàng Thị Kim Cúc trân trọng giữ gìn tại nhà riêng. Đó là tờ giấy pelure mỏng, một

mặt chép bài thơ, mặt kia ghi mấy dòng thư. Rất may mắn được chị Cúc lúc sinh tiền cho xem tận mắt, tôi chú ý mấy điểm: bài thơ gồm 3 khổ thì khổ cuối trong thủ bản nằm cách biệt với hai khổ đầu, cuối bài thơ, tác giả ký *Hàn Mạc Tử* rồi đề 11-1939 (chứ không phải 8-1939). Còn bức thư thì nguyên văn như sau:

Túc hạ,

Có nhận được bức ảnh bên Vỹ Gia lúc hừng đông (hay là một đêm trăng?) với mấy hàng chữ túc hạ gửi thăm. Muôn vàn cảm tạ. Túc hạ còn nhớ đến người năm xưa, thế là phúc hậu lắm rồi. Mong ơn trên xuống lộc cho túc hạ thật đầy. Và mong rằng một mùa xuân nào đây sẽ gặp lại túc hạ phỉ dạ. Thăm túc hạ bình an vui vẻ.

Hàn Mạc Tử

Hoàng Thị Kim Cúc với bút danh Hoàng Hoa đã âm thầm sáng tác một số bài thơ, trong đó có những bài “đề tặng hương hồn anh HMT” như bài dưới đây viết vào đầu xuân Tân Tỵ 1941 - nghĩa là sau khi Hàn mất chưa đầy năm.

*Bao năm hoa sống nơi thôn Vỹ
Thăm giữ trong lòng một ý thơ
Cũng biết cách xa ngoài vạn dặm
Tình anh lưu luyến cảnh quê mơ
Một mình một cõi với trời mây
Vội cả đau thương với hận này
Anh khéo lột hết tài nghệ sĩ
Tiếng vang muôn thuở vẫn còn đây
Hồn anh lẫn khuất ở đâu xa
Hoa biết cùng ai thổ lộ ra
Tuy sống giữa cảnh đời náo nhiệt
Tình ai ai vẫn cứ đậm đà!*

Nếu chỉ đọc qua bài thơ của Hoàng Hoa thôn nữ, lại thấy nàng suốt đời độc thân và bảo lưu kỹ lưỡng thủ bút Hàn thi sĩ, mà chưa đọc thư từ Hoàng Hoa viết hoặc chưa nghe Hoàng Hoa bộc bạch niềm riêng, hẳn không ít người sẽ dễ tin chuyện tình Hàn Mạc Tử - Hoàng Thị Kim Cúc từng diễn ra “ly kỳ mùi mẫn” y như sách báo và tưởng tích đã dày công... thêu dệt. Mức độ ngộ nhận càng tăng vì ngay cả người nhà cũng chẳng thấy Hoàng Thị Kim Cúc phản ứng gì trước bao đồn thổi, thị phi. Chính xác, như chúng ta đã biết, Hoàng Thị Kim Cúc có phản ứng chừng mực, đúng người, đúng lúc, song chẳng đạt kết quả như nguyện. Trong một bài viết đăng trên tuần báo *Văn nghệ* số ra ngày 14/10/1995, Võ Đình Cường lý giải kỹ càng: “Những người có liên hệ mật thiết với Hàn Mạc Tử mà chị⁽²⁴⁾ đã cho biết sự thật, và yêu cầu họ đính chính, thì họ đã không làm, hay làm ngược lại, gây thêm hỏa mù trong bối cảnh đã có nhiều *sương khói* làm mờ nhân ảnh. Chẳng hạn như ông Nguyễn Bá Tín, tác giả cuốn hồi ký *Hàn Mạc Tử anh tôi*⁽²⁵⁾ xuất bản vào tháng 2/1991, sau bức thư của

Hoàng Thị Kim Cúc gửi cho ông vào tháng 10/1987, nghĩa là sau gần 4 năm, nói rõ về tấm ảnh gửi Hàn Mạc Tử, là một tấm ảnh phong cảnh, thế mà ông Nguyễn Bá Tín lại viết: ‘Cho tới khi anh⁽²²⁾ đau nặng rồi (1939), chị Cúc còn cho anh một phiên ảnh cỡ 6x9.⁽²³⁾ chị Cúc mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát. Anh làm ngay bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*...’. Quan trọng hơn nữa, cái đoạn chị Kim Cúc kể chuyện chị đã không nhận thư và sách của Hàn Mạc Tử đem tặng, tác giả *Hàn Mạc Tử anh tôi* đã bỏ qua, không nhắc đến. Nhưng tác giả lại viết: ‘Nếu anh⁽²²⁾ biết chị⁽²⁴⁾ đã quy y, dành riêng một căn phòng ngày đêm hương hỏa tụng niệm, tưởng nhớ mối tình bất diệt của anh mà cũng là mối tình đầu của chị, đang quỵn theo trầm hương dâng lên anh nơi miền cực lạc. Nơi đây không còn ngăn cách giáo lương, không còn tham sân si trần tục. Ôi! Tình Hoàng Hoa đậm đà biết chừng nào!’ (...) Chị Kim Cúc có buồn không, khi bị người ta vô tình hay cố ý lái cái mục đích cao quý trong sự tu hành của chị về phía tôn thờ một người khác tôn giáo mà chị chỉ có thể có cảm tình, chứ không yêu?”.

Phân tích nội dung và nghệ thuật áng thơ *Ở đây thôn Vĩ Dạ*, đã thấy xuất hiện khối trường hợp “bàn rồi tính” nối tiếp “bình rồi... tán” đến mức ì xèo! Ngang qua nhà Hoàng Thị Kim Cúc ở Vĩ Dạ, thấy hàng cau trồng nép bờ rào, có người chắt mằm dòng *Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên* phải “mọc” từ đây! Hồi trước, vào vườn nhà chị Cúc, chúng tôi chưa thấy cây cau nào. Ông Nguyễn Bá Tín cũng ghi trong *Hàn Mạc Tử trong riêng tư*⁽²⁶⁾ rằng: “Năm 1985, tôi về Huế ghé thăm chị Cúc (...), chị Cúc chợt hỏi: Cậu có tìm được một cây cau nào trong vườn tôi không? Sao anh Trí lại nói đến hàng cau?”.

Công bố bài *Một cách hiểu khác về “mặt chữ điền”*,⁽²⁷⁾ Thang Ngọc Pho lại tự bộc lộ chưa một lần về thôn Vĩ hoặc ghé Vĩ thôn nhưng thiếu quan sát đủ đầy mà vẫn bạo dạn khẳng quyết: “Mặt trước phía trên cổng nhà ở của quý tộc phong kiến ở đây⁽²⁸⁾ thường trang trí chữ *điền* đắp nổi. Điền, chữ Hán, có nghĩa là ruộng. Đó là biểu tượng của các gia đình quý tộc phong kiến, được nhà vua phong cấp ruộng đất theo cấp bậc và công trạng. Từ *mặt* trong câu thơ là mặt chữ chứ không phải là mặt người. Tác giả sử dụng phép ẩn dụ với nghĩa phái sinh như mặt bàn, mặt nước, mặt đường... Vậy câu thơ *Lá trúc che ngang mặt chữ điền* được hiểu là những chữ điền trên cổng các nhà quý tộc thấp thoáng dưới lá trúc. Cách hiểu này làm tăng giá trị của bài thơ”.

Thú thật, bản thân tôi từng sống ở Vĩ Dạ suốt thời gian dài mà không thấy cổng nhà quý tộc nào đắp nổi chữ 田 *điền*. Thêm một thực tế nữa cần nêu, Hoàng Thị Kim Cúc là phụ nữ có khuôn mặt chữ điền.

Quá quắt hơn là trường hợp suy diễn chủ quan cực kỳ kịch cớm: cô gái thôn Vĩ trở thành... kỹ nữ, *khách đường xa* biến ra khách làng chơi, *thuyền ai đậu bến sông trăng* trở nên buông chứa nổi. Bằng lối gán ghép thô vụng như thế, Lê Đình Mai đã “phán” xanh rờn trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ - một tiếng thở dài đáng quý*:⁽²⁹⁾ “Ở chốn thâm ô này, những gì đẹp đẽ nhất, cao

quý nhất của con người đều bị sương khói truy hoan lu mờ hết, hoen ố hết”. Nhiều tác giả đã lên tiếng phản bác cách lập luận khiên cưỡng đó. Chẳng ai phủ nhận trên dòng sông Hương xưa nay xuất hiện những điểm kinh doanh trò “ngủ đồ tục”, quá khứ có lúc gần như công khai,⁽³⁰⁾ song đoạn sông qua khu vực thôn Vỹ thì hoàn toàn khác.

Trên tập san *Văn hóa và đời sống*,⁽³¹⁾ đề cập đến sự hạn chế trong một số bài viết về áng thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* xuất hiện bấy lâu nay, Văn Tâm sơ bộ chỉ ra 4 nguyên nhân: thứ nhất là thói quen xã hội học dung tục; thứ hai là người nghiên cứu không am tường phong cách nghệ thuật của đối tượng mà mình tìm hiểu; thứ ba là mỹ cảm kém nhạy bén; thứ tư là thái độ tùy tiện, thiếu nghiêm túc trong khâu xác định và khảo chứng tư liệu.

Phanxipăng

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Trọng Trí (1912-1940) ký nhiều bút danh, trong đó có **Hàn Mạc Tử** và **Hàn Mạc Tử**. Khảo sát kỹ lưỡng, nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy bút danh chính thức của Nguyễn Trọng Trí những năm cuối đời là **Hàn Mạc Tử**. Điều ấy đã được Phanxipăng trình bày rõ qua bài “Chính danh định luận: Mạc hay Mạc?” đăng trên tạp chí *Thế giới mới* số 416 (11/12/2000).
- (2) Pellerin hay còn gọi là Trường Bình Linh, thuộc dòng La San, được sáng lập tại Huế năm 1904, giảng dạy từ bậc tiểu học đến trung học (tương đương lớp 1 đến lớp 12 hiện nay). Từ năm 2008, đó là Học viện Âm nhạc Huế, địa chỉ số 1 Lê Lợi, thành phố Huế.
- (3) Hai niên khóa 1928-1929 và 1929-1930, tại Trường Pellerin ở Huế, Nguyễn Trọng Trí học lớp nhì năm thứ 2 / cour moyen 2è année (tương đương lớp 4 hiện nay) và lớp nhất / cour supérieur (tương đương lớp 5 hiện nay) là hai lớp thuộc bậc tiểu học - theo sự phân cấp giáo dục trên toàn quốc từ năm 1906 đến năm 1945 - chứ hoàn toàn không phải “có hai năm học trung học tại trường Pe-lơ-ranh (Pellerin) ở Huế” như sách giáo khoa hiện hành *Ngữ văn 11* (Tập hai - Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, 2008 và 2009 - Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010) đã in đi in lại.
- (4) Bài *Đôi nét về Hàn Mạc Tử* được Quách Tấn (1910-1992) viết tại Nha Trang năm 1959, đăng tạp chí *Lành mạnh* số 38 (Huế, 1/11/1959), rồi lần lượt đăng lại trên tập san *Văn và bán nguyệt san Phổ thông*, đoạn in vào một số sách như *Thơ Hàn Mạc Tử* (Sổ Văn hóa-Thông tin Nghĩa Bình, 1987), *Hàn Mạc Tử thơ và đời* (Nxb Văn học, Hà Nội, 1995), *Hàn Mạc Tử hôm qua và hôm nay* (Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995), v.v... Lưu ý rằng nội dung văn bản *Đôi nét về Hàn Mạc Tử* có những thay đổi qua thời gian công bố.
- (5) Hiện nay là đường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn.
- (6) Võ tướng cải lương *Hàn Mạc Tử* do Viễn Châu và Thế Hà Vân hợp soạn năm 1957.
- (7) 21 tuổi ta, 20 tuổi tây, tức là vào năm 1933.
- (8) Bên đó: Hoa Kỳ.
- (9) Tham khảo thêm bài “Bạn thân đồng tuế đồng hương của Hàn Mạc Tử” do Phanxipăng viết đăng tạp chí *Thế giới mới* số 891 (5/7/2010).
- (10) Sách *Hàn Mạc Tử* của Trần Thanh Mại, in lần đầu năm 1942, sau được tái bản nhiều lần.
- (11) Cư sĩ: người tu trì tại gia.
- (12) Trích bài viết “Nhớ cô Hoàng Kim Cúc” của Võ Thị Tiểu Kiều in trong tuyển tập *Đồng Khánh mái trường xưa* năm 1992.
- (13) Do nhà sách Khai Trí ở Sài Gòn ấn hành lần đầu năm 1970, sau được nhiều nhà xuất bản tái bản.
- (14) Gia đình Phật tử có tiền thân là Đoàn Thanh niên Đức dục và Gia đình Phật hóa phổ được thành lập tại Huế vào thập niên 1930.
- (15) Trích bài “Tiếng thở dài - chia sẻ với Hàn Mạc Tử” đăng tạp chí *Sông Hương* số 2 năm 1990, sau in vào sách *Cảm nhận thơ Hàn Mạc Tử* (Nxb Thuận Hóa, Huế, 1999).

- (16) Địa danh Vỹ Dạ do biến âm từ gốc *Vĩ (Vi) Dã* 葦野. *Vĩ (Vi) 葦*: cây lau. *Dã 野*: cánh đồng.
- (17) Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000, trang 283.
- (18) Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 2000, trang 5.
- (19) Trích một dòng từ bài thơ “Buồn ở đây” trong tập *Thượng thanh khí* của Hàn Mạc Tử.
- (20) Carte-visite: carte de visite: danh thiếp.
- (21) Bài thơ *Sao, vàng sao*.
- (22) Túc Hàn Mạc Tử.
- (23) 6x9cm.
- (24) Chỉ Hoàng Thị Kim Cúc.
- (25) Nxb Tin, Paris, 1990 - Nxb TP HCM, 1991.
- (26) Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994, trang 118.
- (27) Tạp chí *Tài hoa trẻ*, số 69 ra ngày 25/2/1999.
- (28) Vỹ Dạ.
- (29) Báo *Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt tháng 1/1990.
- (30) Có thể đọc phần *Những con đò đưa khách* trong bài “Sinh hoạt những vạt dền trên sông Hương trước 1975” của Phan Hoàng Quý đăng trên *Nghiên cứu Huế*, tập 1, 1999 và phóng sự “Ngủ đò sông Hương” in trong sách *Huế chữ* của Phanxipăng (Nxb Thanh niên, 2000).
- (31) Nxb TP HCM, 1990.

TÓM TẮT

Lâu nay, khá đông người cho rằng thi sĩ Hàn Mạc Tử (1912-1940) và nhà giáo kiêm cư sĩ Hoàng Thị Kim Cúc (1913-1989) từng có một tình yêu đôi lứa. Lầm sách báo ghi nhận như vậy. Ngay cả lối sống khá đặc biệt của Kim Cúc - suốt đời độc thân, làm thơ tặng Hàn, chẳng chuyển trò đùa này với người trong nhà... - càng khiến dư luận nghĩ vậy.

Với Kim Cúc, Hàn từng gởi thư và 2 áng thơ mà thiên hạ lưu truyền với nhan đề *Đây thôn Vỹ Dạ* và *Đừng cho lòng bay xa*.

Bằng hệ thống tư liệu phong phú và xác thực được thu thập từ rất nhiều nguồn rồi xử lý cẩn trọng, bằng lập luận vững chắc sắc sảo, bài này chứng minh rằng Hàn yêu đơn phương Kim Cúc, đồng thời khẳng định nhan đề chính xác 2 áng thơ kia là *Ở đây thôn Vỹ Dạ* và *Sao, vàng sao*.

Bài viết cũng phê phán sự sai lệch vì những nguyên nhân khác nhau thể hiện qua nhiều thư tịch bình luận bài thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ* - tác phẩm đang được giảng dạy chính thức trong chương trình Ngữ văn bậc trung học phổ thông.

ABSTRACT

FACTS OF LOVE STORY BETWEEN HÀN MẠC TỬ AND HOÀNG THỊ KIM CÚC AND THE POEM *Ở ĐÂY THÔN VỸ DẠ*

For a long time now, many people believe that Hàn Mạc Tử (1912-1940) and Hoàng Thị Kim Cúc, teacher and lay Buddhist practitioner (1913-1989) shared a love story between them. This is even mentioned in a great number of books and magazines. Kim Cúc's noticeable way of life - she stayed single for life, wrote poems as presents to Hàn Mạc Tử, and never said anything of this relation with the poet to the other family members - made people all the more tend to such a deduction.

As for the poet, he himself wrote letters to Cúc and dedicated two poems to the lady, that have been praised and circulated among readers: *Đây thôn Vỹ Dạ* and *Đừng cho lòng bay xa*.

With bountiful and trustworthy data drawn from various source of documents, and carefully processed, and with his firm and sharp arguments, the author proves that Hàn Mạc Tử loved Hoàng Thị Kim Cúc with no response from her and that the exact titles of the two above poems are *Ở đây thôn Vỹ Dạ* and *Sao, vàng sao*.

This article also criticizes mistakes, made from different reasons, committed in numerous comments on the poem *Ở đây thôn Vỹ Dạ*, that has been chosen to be entered into the official high school Literature Textbook.